

Ngày thi: 20/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		20	20	20	30				100			
1	162223359	HÀ TUẤN	ANH	K16XDC1	10		6.5	8	7	6				7.1	Bảy phẩy Một		
2	162223360	NGUYỄN TÂN	BÌNH	K16XDC1	7.5		0	9	8	8				6.6	Sáu phẩy Sáu		
3	162223362	TRƯƠNG QUANG	CHIẾN	K16XDC1	10		2	8	8	6				6.4	Sáu phẩy Bốn		
4	162223365	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	K16XDC1	10		7	7	7	6				7.0	Bảy		
5	162223367	PHẠM ANH	ĐỨC	K16XDC1	7.5		0	7	4	6				4.8	Bốn phẩy Tám		
6	162223372	HỒ XUÂN	HẢI	K16XDC1	7.5		0	7	6	7				5.5	Năm phẩy Năm		
7	162223373	TRƯƠNG QUANG	HẠN	K16XDC1	10		5	8	7	6				6.8	Sáu phẩy Tám		
8	162223376	LÊ CÔNG VƯƠNG	HẦU	K16XDC1	10		9	8	7	7				7.9	Bảy phẩy Chín		
9	162223378	HỒ TRUNG	HIẾU	K16XDC1	10		5	6	6	4				5.6	Năm phẩy Sáu		
10	162223380	PHẠM TRUNG	HIẾU	K16XDC1	10		4	9	8	6				7.0	Bảy		
11	162223388	TRƯƠNG QUANG	HÙNG	K16XDC1	10		5	8	8	6				7.0	Bảy		
12	162223389	LÊ CÔNG	HÙNG	K16XDC1	10		4	7	6	6				6.2	Sáu phẩy Hai		
13	162223393	TRỊNH DUY	KHANH	K16XDC1	10		6	8	7	8				7.6	Bảy phẩy Sáu		
14	162223398	PHAN HOÀNG	LỘC	K16XDC1	10		5	6	6	6				6.2	Sáu phẩy Hai		
15	162223400	NGUYỄN BẢO	LONG	K16XDC1	10		6.5	7	8	6				7.1	Bảy phẩy Một		
16	162223402	NGUYỄN ĐÌNH MINH	NGHĨA	K16XDC1	10		5.5	7	7	6				6.7	Sáu phẩy Bảy		
17	162223403	LÊ DUY	NGỌC	K16XDC1	10		5.5	8	7	9				7.8	Bảy phẩy Tám		
18	162223406	PHẠM VĂN	SƠN	K16XDC1	10		5.5	7	7	6				6.7	Sáu phẩy Bảy		
19	162223409	PHAN BÁ	THÁI	K16XDC1	7.5		0	7	7	7				5.7	Năm phẩy Bảy		
20	162223413	LÊ VĂN	THUẬN	K16XDC1	10		6	8	7	6				7.0	Bảy		
21	162223415	NGUYỄN ANH	TIẾN	K16XDC1	10		3	6	6	7				6.1	Sáu phẩy Một		
22	162223417	LÊ VĂN	TRỌNG	K16XDC1	7.5		0	8	6	8				6.0	Sáu		
23	162223419	LÊ HỮU	TRƯỜNG	K16XDC1	10		5	7	7	6				6.6	Sáu phẩy Sáu		
24	162223423	ĐẶNG THUY	TUYÊN	K16XDC1	10		5	7	6	7				6.7	Sáu phẩy Bảy		
25	162223425	BÙI TÂN	VIỆT	K16XDC1	10		4	4	6	6				5.6	Năm phẩy Sáu		
26	162223428	NGUYỄN THÀNH	VINH	K16XDC1	10		6.5	7	6	7				7.0	Bảy		
27	162223432	TRƯƠNG VĂN	VŨ	K16XDC1	7.5		0	6	6	7				5.3	Năm phẩy Ba		
28	162223433	ĐẶNG HOÀNG DUY	VƯƠNG	K16XDC1	10		7	7	7	7				7.3	Bảy phẩy Ba		
29	162226432	CAO TRUNG	HIẾU	K16XDC1	10		7.5	6	7	7				7.2	Bảy phẩy Hai		
30	162226635	TRẦN KHẮC	KHÁNH	K16XDC1	10		4	8	7	7				6.9	Sáu phẩy Chín		
31	162226637	HOÀNG ĐỨC	TUẤN	K16XDC1	10		3	9	7	7				6.9	Sáu phẩy Chín		
32	162226923	TĂNG THỊ XUÂN	THẢO	K16XDC1	7.5		0	6	4	6				4.6	Bốn phẩy Sáu		
33	162227420	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	K16XDC1	10		5	8	7	8				7.4	Bảy phẩy Bốn		
34	162263676	LÊ VĂN	HOÀN	K16XDC1	10		9	6	9	8				8.2	Tám phẩy Hai		
35	162123065	TRẦN THÁI	QUANG	K16XDC2	7.5		0	8	7	6				5.6	Năm phẩy Sáu		
36	162223358	VÕ TUẤN	ANH	K16XDC2	7.5		0	8	7	6				5.6	Năm phẩy Sáu		
37	162223361	ĐINH VŨ	CHÁNH	K16XDC2	10		5.5	4	6	6				5.9	Năm phẩy Chín		
38	162223364	NGUYỄN HỒ	CƯỜNG	K16XDC2	10		5.5	7	8	6				6.9	Sáu phẩy Chín		
39	162223366	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	K16XDC2	10		7.5	6	7	7				7.2	Bảy phẩy Hai		
40	162223368	NGUYỄN ĐĂNG	DŨNG	K16XDC2	7.5		0	8	6	6				5.4	Năm phẩy Bốn		
41	162223375	TRẦN HẢI	HÀO	K16XDC2	7.5		0	7	7	6				5.4	Năm phẩy Bốn		
42	162223377	PHAN THANH	HIỀN	K16XDC2	7.5		0	7	6	8				5.8	Năm phẩy Tám		
43	162223381	ĐẶNG CÔNG	HIẾU	K16XDC2	7.5		0	7	6	6				5.2	Năm phẩy Hai		
44	162223382	TRẦN ĐÌNH	HOÀN	K16XDC2	7.5		0	7	7	6				5.4	Năm phẩy Bốn		

Ngày thi: 20/01/2014				LẦN THI										1		
STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		20	20	20	30				100			
45	162223384	NGUYỄN TRÍ KHÁNH HOÀNG	K16XDC2	10		5	8	8	7				7.3	Bảy phẩy Ba		
46	162223386	NGUYỄN MẠNH HÙNG	K16XDC2	10		4.5	6	7	7				6.6	Sáu phẩy Sáu		
47	162223391	NGÔ QUANG HƯNG	K16XDC2	10		5	7	7	6				6.6	Sáu phẩy Sáu		
48	162223395	LÊ ĐỨC KHÔI	K16XDC2	10		4	6	7	8				6.8	Sáu phẩy Tám		
49	162223396	NGUYỄN HỒNG LÊ	K16XDC2	7.5		0	6	7	6				5.2	Năm phẩy Hai		
50	162223397	NGUYỄN VĂN LINH	K16XDC2	10		6	6	7	6				6.6	Sáu phẩy Sáu		
51	162223399	ĐỖ HOÀNG LONG	K16XDC2	10		7	7	6	6				6.8	Sáu phẩy Tám		
52	162223408	NGUYỄN ĐÌNH TÂN	K16XDC2	7.5		0	8	7	8				6.2	Sáu phẩy Hai		
53	162223410	NGUYỄN VĂN THÀNH	K16XDC2	7.5		0	8	9	5				5.7	Năm phẩy Bảy		
54	162223412	LÊ VIỆT THIỆN	K16XDC2	10		4	9	6	7				6.9	Sáu phẩy Chín		
55	162223414	HUỖNH XUÂN THUỖNG	K16XDC2	10		5	7	6	7				6.7	Sáu phẩy Bảy		
56	162223416	LÊ VĂN TỚI	K16XDC2	0		0	0	0	0				0.0	Không		
57	162223418	QUẦN THÀNH TRUNG	K16XDC2	10		6.5	8	7	7				7.4	Bảy phẩy Bốn		
58	162223420	TRẦN QUÝ TỬ	K16XDC2	10		5	8	8	6				7.0	Bảy		
59	162223424	ĐỖ TRUNG TUYẾN	K16XDC2	10		4	6	7	6				6.2	Sáu phẩy Hai		
60	162223426	NGUYỄN QUỐC VIỆT	K16XDC2	10		4.5	7	7	6				6.5	Sáu phẩy Năm		
61	162223430	TRẦN ANH VŨ	K16XDC2	10		4	7	7	6				6.4	Sáu phẩy Bốn		
62	162223431	VƯƠNG VŨ	K16XDC2	10		5	7	7	6				6.6	Sáu phẩy Sáu		
63	162226431	NGUYỄN VĂN HẢI	K16XDC2	7.5		0	7	7	5				5.1	Năm phẩy Một		
64	162227086	HOÀNG NHƯ NGỌC	K16XDC2	10		4	6	8	6				6.4	Sáu phẩy Bốn		
65	162227671	PHẠM HÒA LỘC	K16XDC2	7.5		0	6	4	6				4.6	Bốn phẩy Sáu		
66	142221368	NGUYỄN ANH TUẤN	K16XDC2	0		0	0	0	0				0.0	Không		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	64	97%	
2	Số sinh viên nợ	2	3%	
TỔNG CỘNG :		66	100%	

LẬP BẢNG

Phan Thanh Tâm

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Kim Ngọc Lan

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2014

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Ân